

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT
TRÙNG VIỆT NAM

VIETNAM PESTICIDE JOINT
STOCK COMPANY

Số/No.: 413CV-TST

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận quý
02 năm 2025 so với cùng kỳ năm
trước./Explanation of profit fluctuations in
the second quarter of 2025 compared to
the same period last year.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2025

Ho Chi Minh City, July 20, 2025

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

Tên tổ chức / Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
VIỆT NAM/ VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán/ Securities Symbol: VPS

Địa chỉ trụ sở chính/ Address: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường/Ward: Đa Kao,
Quận/ District: 1, Thành phố/ City: Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán./Follow Circular No.
96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding
information disclosure on the stock market.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 2 năm 2025 của Công ty cổ
phần Thuốc sát trùng Việt Nam./Based on the separate and consolidated financial
statements for the second quarter of 2025 of Vietnam Pesticide Joint Stock Company.

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:/We would like to explain the
case where the profit after corporate income tax differs by more than 10% compared to
the same period last year, as follows:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG/SEPARATELY REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	130.466.650.289	124.980.532.596	5.486.117.693	4,4%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	4.982.936.878	11.771.393.242	(6.788.456.364)	-57,7%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	125.483.713.411	113.209.139.354	12.274.574.057	10,8%

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	86.311.360.167	80.979.049.381	5.332.310.786	6,6%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	39.172.353.244	32.230.089.973	6.942.263.271	21,5%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	635.692.860	904.413.850	(268.720.990)	-29,7%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	3.554.473.602	2.887.294.782	667.178.820	23,1%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	16.676.232.157	17.601.085.099	(924.852.942)	-5,3%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	12.087.651.233	11.957.622.512	130.028.721	1,1%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	7.489.689.112	688.501.430	6.801.187.682	987,8%
11	Lợi nhuận khác/Other income	248.900.801	462.160.479	(213.259.678)	-46,1%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	7.738.589.913	1.150.661.909	6.587.928.004	572,5%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	7.053.204.995	949.729.927	6.103.475.068	642,7%

Báo cáo riêng: Doanh thu quý 2 ghi nhận tăng 5,48 tỷ đồng, tương ứng 4,4% so cùng kỳ. Các khoản giảm trừ doanh thu giảm 6,78 tỷ đồng, tương ứng 57,7%, những nguyên nhân này làm cho lợi nhuận gộp tăng 6,94 tỷ đồng so với cùng kỳ, là những nguyên nhân chính giúp lợi nhuận tăng vượt 10% so với cùng kỳ.

Separate Financial Report: In the second quarter, the company's revenue increased by VND 5.33 billion, equivalent to 6.6% compared to the same period last year. Meanwhile, discounts and reductions in revenue decreased by VND 6.78 billion, equivalent to 57.7%. These changes contributed to a VND 6.94 billion increase in gross profit. These were the main reasons why overall profit grew by more than 10% compared to the same period last year.

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT/CONSOLIDATED REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	137.348.671.689	133.606.616.396	3.742.055.293	2,8%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	4.982.936.878	11.771.393.242	(6.788.456.364)	-57,7%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	132.365.734.811	121.835.223.154	10.530.511.657	8,6%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	91.152.164.259	87.119.030.133	4.033.134.126	4,6%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	41.213.570.552	34.716.193.021	6.497.377.531	18,7%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	796.104.671	1.030.533.282	(234.428.611)	-22,7%

3004089
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KIỂM SÁT TÀI CHÍNH
VIỆT NAM
T-TP. HỒ

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
7	Chi phí tài chính/Financial expense	3.658.168.852	2.990.806.982	667.361.870	22,3%
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty L.doanh, L.kết/Share of joint ventures and associates' profit or loss	(513.855.174)	(786.910.702)	273.055.528	-34,7%
9	Chi phí bán hàng/Selling expense	16.900.891.249	17.856.823.361	(955.932.112)	-5,4%
10	Chi phí quản lý/Administrative expenses	13.359.204.315	13.157.286.117	201.918.198	1,5%
11	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	7.577.555.633	954.899.141	6.622.656.492	693,5%
12	Lợi nhuận khác/Other income	248.274.111	462.160.479	(213.886.368)	-46,3%
13	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	7.825.829.744	1.417.059.620	6.408.770.124	452,3%
14	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	7.010.500.488	995.865.955	6.014.634.533	604,0%

Báo hợp nhất: Doanh thu quý 2 ghi nhận tăng 3,74 tỷ đồng, tương ứng 2,8% so cùng kỳ. Các khoản giảm trừ doanh thu giảm 6,78 tỷ đồng, tương ứng 57,7%, những nguyên nhân này làm cho lợi nhuận gộp tăng 6,49 tỷ đồng so với cùng kỳ, là những nguyên nhân chính giúp lợi nhuận tăng vượt 10% so với cùng kỳ.

Consolidated Financial Report: In the second quarter, the company's revenue increased by VND 3,74 billion, equivalent to 2,8% compared to the same period last year. Meanwhile, discounts and reductions in revenue decreased by VND 6.78 billion, equivalent to 57.7%. These changes contributed to a VND 6.49 billion increase in gross profit. These were the main reasons why overall profit grew by more than 10% compared to the same period last year.

Trân trọng/Best regards.

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/ As above;
- Lưu: Văn thư, Phòng kế toán /Archives: Clerical, Accountant Dept.

Tổng giám đốc
General Director



NGUYỄN THÂN

